TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2025
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Đỗ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Lâm Q,** sinh năm 19xx;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang P,** sinh năm 19xx;

Đều có địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

(Chị Q và anh P đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là chị Bùi Thị Lâm Q trình bày:*

Chị và anh P tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 16/5/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc tại gia đình nhà chồng ở xã Mỹ Lộc đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị nghi ngờ anh P ngoại tình, vợ chồng không thể hòa hợp dẫn đến cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên bảo động viên nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn, vợ chồng

đã sống ly thân từ cuối tháng 4/2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Chị và anh P có 01 con chung là Nguyễn Thị Ánh P, sinh ngày 31/5/20xx, hiện con chung đang ở cùng anh P và ông bà nội, ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu Tòa án chia tài sản.

** Anh Nguyễn Quang P có đơn đề nghị với nội dung trình bày:*

Anh xác định giữa anh và chị Q không thể hàn gắn, chị Q xin ly hôn anh đồng ý. Anh và chị Q có 01 con chung là Nguyễn Thị Ánh P, sinh ngày 31/5/2016, hiện nay con chung đang ở cùng anh P và ông bà nội, ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh đồng ý. Anh không yêu cầu Tòa án chia tài sản. Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh nhưng do công việc bận mải nên anh không đến Tòa làm việc được. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giao các văn bản của Tòa án cho mẹ anh nhận hộ anh.

** Tại biên bản lấy lời khai của bà Vũ Thị M, sinh năm 19xx*; Trú tại: Thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên là mẹ đẻ của anh Nguyễn Quang P, nội dung lời khai của bà Mín xác nhận chị Q và anh P tự nguyện kết hôn được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 16/5/2016, sau khi kết hôn quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ cuối năm 2021. Tháng 9/2025, chị Q có về nhà bà nói chuyện ly hôn anh P và gửi đơn ly hôn đến Tòa án, Tòa án có gửi giấy triệu tập cho anh P, anh P cũng đã biết được việc chị Q ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị Q nhưng do công việc bận mải anh không về Tòa án làm việc được. Hiện nay anh P vẫn có nơi cư trú cùng ông bà ở xã Đông Thái Ninh, anh P đi lao động tự do ở Hải Phòng, cuối tuần về nhà. Anh P và chị Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh P, sinh ngày 31/5/20xx, con chung từ nhỏ ở cùng với anh P được sự hỗ trợ chăm sóc của ông bà nên ý kiến của anh P thông qua bà cũng như nguyện vọng của gia đình bà muốn được nuôi cháu Ánh P. Anh P và chị Q không có tài sản chung và nợ chung. Do anh P đi làm đến cuối tuần mới về nhà nên anh P nhờ bà nhận văn bản của Tòa án hộ anh, bà đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và cam kết giao lại ngay cho anh P.

** Tại đơn đề nghị của cháu Nguyễn Thị Ánh P trình bày:* Bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với bố.

Xác minh tại địa P, đại diện chính quyền xã Đ, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Anh Nguyễn Quang P có nơi cư trú tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Nay là xã Đ, tỉnh Hưng Yên). Chị Q và anh P tự nguyện kết hôn tại UBND xã M,

huyện Thái Thụy (nay là xã Đ, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 16/5/2016. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Q và anh P do tính tình không hợp, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị Q và anh P đã sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay, không thấy chị Q quay về chung sống cùng anh P nữa, ngoài ra còn nguyên nhân nào khác địa P không nắm rõ. Anh P vẫn có nơi cư trú ở xã Đông Thái Ninh, anh P đi lao động tự do vẫn thường xuyên đi đi về về địa P. Chị Q và anh P có 01 con chung là Nguyễn Thị Ánh P, sinh ngày 31/5/20xx, cả hai anh chị lao động tự do, có thu nhập. Về tài sản chung: Địa P không nắm rõ, không thấy cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào ý kiến về việc anh chị vay nợ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự tố tụng; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án xử cho chị Bùi Thị Lâm Q được ly hôn anh Nguyễn Quang P; giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Ánh P, sinh ngày 31/5/20xx, chấp nhận việc chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi; chị Q và anh P không yêu cầu chia tài sản nên không giải quyết; chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Bùi Thị Lâm Q và anh Nguyễn Quang P đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Q và anh P.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về yêu cầu ly hôn: Chị Q và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 16/5/2016, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Q yêu cầu ly hôn anh

P, Hội đồng xét xử thấy: Qua lời khai của chị Q thể hiện trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, chị Q nghi ngờ anh P có mối quan hệ ngoại tình nên giữa chị Q và anh P xảy ra mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài. Tòa án đã triệu tập anh P đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải nhưng anh P vắng mặt, không có bất kỳ động thái nào thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ, điều đó chứng tỏ anh P không tha thiết đoàn tụ. Sau đó, anh P có đơn đề nghị thể hiện vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị Q. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Q và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn anh P là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về yêu cầu nuôi con khi ly hôn: Hội đồng xét xử thấy, hiện nay con chung của chị Q và anh P là cháu Nguyễn Thị Ánh P, sinh ngày 31/5/2016 đang sống cùng anh P. Chị Q đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung cho anh P nuôi dưỡng cũng như anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần chấp nhận giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện nên được chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị Q và anh P không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về tài sản trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Lâm Q được ly hôn anh Nguyễn Quang P.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Quang P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Ánh P, sinh ngày 31/5/20xx; chị Q cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Q và anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Lâm Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Q đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001624 ngày 01/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Hưng Yên sang tiền án phí, chị Q còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đ;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Diệu Thúy